

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 09/7/2020.

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Tuyết L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Cao Thị Tuyết L yêu cầu:*

Về hôn nhân: Chị L với anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2007. Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L vì lý do: Sau khi kết hôn chị L và anh N chung sống không có hạnh

phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh N cờ bạc và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau. Trước đây, chị L có làm đơn xin ly hôn với anh N nhưng do tác động của các con nên chị đã rút đơn kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó, cuộc sống vợ chồng cũng không cải thiện, vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng hơn. Nay chị L nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh N có ba người con chung tên là Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nguyễn Cao Ngọc K, sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Cao Quỳnh C, sinh ngày 01/8/2017. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/1 người con, ba người con mỗi tháng 9.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chị L cung cấp bao gồm: bản sao trích lục kết hôn, 03 bản sao khai sinh con chung; bản phô tô chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Tuyết L và sổ hộ khẩu, bản tự khai.

**/ Bị đơn - anh Nguyễn Văn N có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:*

Về hôn nhân: Anh N và chị Cao Thị Tuyết chung sống với nhau có đăng ký kết tại UBND xã Đ năm 2017. Sau khi kết hôn, anh N và chị L chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian từ 2-3 năm nay do công việc của vợ chồng không thuận lợi nên vợ chồng thường xung đột, cãi vã với nhau, chủ yếu từ chị L gây ra. Về nguyên nhân xin ly hôn mà chị L trình bày anh N thừa nhận lúc vợ chồng cãi nhau thì anh có đánh đập chị L. Riêng về quan hệ tình cảm với người khác là do chị L hiểu lầm chứ không có. Theo đó, với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh N chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh N và chị L có ba người con chung tên Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nguyễn Cao Ngọc K, sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Cao Quỳnh C, sinh ngày 01/8/2017. Khi ly hôn anh N đồng ý giao ba người con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh N chỉ chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 người con; ba người con là 3.000.000đ chứ không chấp nhận với yêu cầu của chị L về việc buộc cấp dưỡng 9.000.000đ/3 người con/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị L không có tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình tố tụng anh N không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48

BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Cao Quỳnh Nh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục ba người con chung tên Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nguyễn Cao Ngọc K, sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Cao Quỳnh C, sinh ngày 01/8/2017 cho đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đề nghị anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L mỗi tháng 1.000.000đ/1 người con; ba người con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Về án phí: Đề nghị buộc chị L phải chịu án phí ly hôn và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Cao Quỳnh Như đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Cao Thị Tuyết L và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tánh Linh

vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/9/2007, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, Trong thời gian sống chung sống chị L cho rằng chị và anh N chung sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự hòa giải được. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn phát sinh từ việc anh N cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người khác. Thể hiện tại biên bản lấy khai trong quá tố tụng thì anh N khai nhận thực tế thời gian qua có xảy ra mâu thuẫn do công việc làm ăn của gia đình không thuận lợi nên vợ chồng xảy ra xung đột.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N vì bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh N.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trên cơ sở lời khai trong quá trình thu thập chứng thể hiện anh N đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N xác định được thực tế quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện tại đã tự sống ly thân với nhau. Thời gian gian sống ly thân mỗi có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó.

Sau khi thụ lý anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về phiên hòa giải, công khai chứng cứ, phiên tòa nhưng anh N vẫn không đến tòa tham gia. Như vậy đã thể hiện bản thân anh N không mong muốn hòa giải đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Trên cơ sở đó đã xác định Chị L và anh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Để cho chị L có điều kiện ổn định cuộc sống, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị L và anh N có ba người con chung tên là Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nguyễn Cao Ngọc K, sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Cao Quỳnh C, sinh ngày 01/8/2017, hiện đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh N phải cấp tiền nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/1 người con; ba người con là 9.000.000đ/tháng.

Về nguyện vọng của con trên 7 tuổi: Cháu Nguyễn Cao Quỳnh Nh có nguyện vọng được sống với chị L.

Về ý kiến của anh N: Khi ly hôn anh N đồng ý giao ba người con chung nêu trên cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chấp nhận cấp dưỡng nuôi con cho chị L nhưng với mức 1.000.000đ/1 người con/tháng; ba người con mỗi tháng là 3.000.000đ.

Xét yêu cầu nuôi con của chị L được anh N chấp nhận phù hợp phù hợp với nguyện vọng của con. Để đảm bảo quyền lợi và tránh sự sáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xử quyết định giao cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ba con chung cho đến khi thành niên và anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị L là chính đáng nhưng mức cấp dưỡng 9.000.000đ/tháng/3 người con là không phù hợp với điều kiện, khả năng thu nhập thực tế của anh N, bởi lẽ theo chị L trình bày thì thu nhập hiện nay của anh N không ổn định. Xét thu nhập thực tế của anh N cũng như nhu cầu thiết yếu của các con, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000đ/1 người con/tháng là phù hợp. Theo đó, buộc anh N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L mỗi tháng 1.500.000đ/1 người con; ba người con mỗi tháng là 4.500.000đ cho đến khi các con thành niên là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Cần buộc chị L phải chịu án phí ly hôn và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

+ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Cao Thị Tuyết L.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Cao Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung*:

+ Tiếp tục giao cho chị Cao Thị Tuyết L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba người con chung tên Nguyễn Cao Quỳnh Nh, sinh ngày 22/3/2008; Nguyễn Cao Ngọc K, sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Cao Quỳnh C, sinh ngày 01/8/2017 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Cao Thị Tuyết L mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 người con; ba (03) người con mỗi tháng là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các con chung thành niên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí:*

+ Chị Cao Thị Tuyết L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0027318, ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo:*

+ Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/7/2020).

+ Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Mạnh Trí